TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK** Bản án số: 68/2019/HNGĐ-ST Ngày: 14-6-2019 "V/v tranh chấp ly hôn"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị My My

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Cảm

2. Ông Y Blao Bkrông

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- ***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Minh Thuận – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 109/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Ma Thị L - Sinh năm: 1988 (Vắng mặt - Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Anh Lê Quang T – Sinh năm: 1985 (Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: Thôn M, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn, chị Ma Thị L trình bày:***

Chị L và anh Lê Quang T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22 tháng 8 năm 2013.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được 02 năm thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham cá độ, cờ bạc dẫn đến nợ nần, anh T đã đi khỏi địa phương từ tháng 5/2015 cho đến nay vẫn không có tin tức gì. Gia đình đã nhiều lần tìm kiếm khắp nơi nhưng không có kết quả, chị L đã có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố anh T mất tích và đã được Tòa án giải quyết tại Quyết định số 46/2018/QĐST-VDS ngày 28 tháng 12 năm 2018. Anh T đã bỏ đi đã lâu nên nay chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng gì với anh T nữa, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị L được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lê Ma Quốc T, sinh ngày: 24/12/2010, khi ly hôn chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung.

* Bị đơn anh Lê Quang T đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tuyên bố mất tích và trong quá trình giải quyết ly hôn, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã H là nơi cư trú cuối cùng của anh Lê Quang T nhưng anh T vẫn không có mặt. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của bị đơn Lê Quang T được và cũng không tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

*** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm :** Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật. Về ý kiến giải quyết vụ án: Quá trình chung sống, vợ chồng chị Ma Thị L và anh Lê Quang T đã xảy ra mâu thuẫn, anh T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2015 cho đến nay không có tin tức gì. Và đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết và tuyên bố anh Lê Quang T mất tích tại Quyết định số: 46/2018/QĐST-VDS ngày 28 tháng 12 năm 2018. Chị Ma Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Quang T là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Ma Thị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Lê Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Đơn khởi kiện của chị Ma Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết xin được ly hôn với anh Lê Quang T và nguyện vọng chăm sóc nuôi con chung. Yêu cầu giải quyết của đương sự là theo quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự

[3] Về quan hệ hôn nhân: Qua bản tự khai, lời khai của nguyên đơn, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đều thể hiện quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn được xây dựng trên cơ sở tự nguyện của cả hai bên và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 22 tháng 8 năm 2013. Nên xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Ma Thị L và anh Lê Quang T là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc được 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn nên anh T đã bỏ đi khỏi địa phương từ tháng 5/2015 cho đến nay. Chị L đã nhiều lần tìm kiếm khắp nơi nhưng vẫn không có tin tức gì của anh T. Chị L đã làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tuyên bố anh T mất tích và đã được Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk giải quyết tại Quyết định số: 46/2018/QĐST-VDS ngày 28 tháng 12 năm 2018 tuyên bố anh Lê Quang T mất tích. Chị L xác định hiện tình cảm của chị đối với anh Lê Quang T không còn nữa nên không thể tiếp tục duy trì hàn gắn quan hệ hôn nhân giữa anh T với chị L. Xét cần chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Ma Thị L.

Về con chung: Chị L và anh T có 01 con chung là cháu Lê Ma Quốc T, sinh ngày: 24/12/2010. Nguyện vọng của cháu T là được sống cùng với mẹ nên để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của cháu nên cần giao cháu Lê Ma Quốc T cho chị Ma Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra để giải quyết là phù hợp.

Về án phí: Chị Ma Thị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

- Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 56; Điều 58; Điều 81; khoản 1 và khoản 3 Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Ma Thị L. Chị Ma Thị L được ly hôn với anh Lê Quang T.

Về con chung: Giao con chung cháu Lê Ma Quốc T, sinh ngày: 24/12/2010 cho chị Ma Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành.

Anh Lê Quang T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Lê Quang T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị Ma Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị Nguyễn Ngọc H đã nộp thay chị Ma Thị L tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu số AA/2017/0011880 ngày 20 tháng 02 năm 2019.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk ;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.B;
- UBND xã H, TP. B, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị My My